

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
Số: 3003/2024/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2023 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái; và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2023 có biến động trên năm phần trăm (5%), cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau kiểm toán năm 2023 so với năm 2022:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (1)	Năm 2022 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tăng/(giảm) %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.125.585.165	9.663.107.327	42.462.477.838	439,43%

Lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ năm 2023 tăng 42.462.477.838 đồng, tương ứng tăng 439,43% so với năm trước là do trong năm 2023, Công ty có nguồn doanh thu từ hoạt động quảng cáo trên kênh truyền hình thuộc các chương trình thực tế/nội dung chất lượng cao và kinh doanh bản quyền nội dung số.



Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2023:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước và sau kiểm toán năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 Sau kiểm toán (2)	Năm 2023 Trước kiểm toán (1)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Tăng/(giảm) %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.125.585.165	56.854.563.701	(4.728.978.536)	(8,32%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ sau kiểm toán năm 2023 giảm 4.728.978.536 đồng, tương ứng giảm 8,32% so với trước kiểm toán chủ yếu là do điều chỉnh ghi nhận tăng một số khoản chi phí giá vốn sản xuất chương trình trong năm.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 Sau kiểm toán (2)	Năm 2023 Trước kiểm toán (1)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Tăng/(giảm) %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.518.959.327	31.128.595.339	(4.609.636.012)	(14,81%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất sau kiểm toán năm 2023 giảm 4.609.636.012 đồng, giảm 13,81% so với trước kiểm toán chủ yếu là do việc ghi nhận thêm khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2023 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CHẾ ĐOÀN VIÊN



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 68

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12925844/67488977/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 68, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		947.639.699.363	623.158.641.225
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	8.461.339.357	26.473.013.864
111	1. Tiền		4.261.339.357	22.373.013.864
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	4.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		230.000.000	50.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	50.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		845.395.421.575	541.296.932.112
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	239.558.303.914	161.650.767.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	80.957.663.203	82.005.142.464
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	266.334.265.625	164.433.231.206
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	340.356.202.385	209.178.378.379
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(81.811.013.552)	(75.970.587.330)
140	IV. Hàng tồn kho	12	29.168.608.393	15.511.002.401
141	1. Hàng tồn kho		63.724.327.379	75.467.022.274
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.384.330.038	39.827.692.848
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	50.416.954.766	27.938.305.891
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	13.954.750.488	11.733.669.810
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	12.624.784	155.717.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		912.758.343.006	617.819.241.835
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		389.469.485.495	368.503.496.695
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	44.329.575.396	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	345.139.910.099	249.503.496.695
220	II. Tài sản cố định		86.305.316.088	12.227.445.584
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.324.037.529	1.915.044.232
222	Nguyên giá		14.438.805.810	32.063.148.590
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.114.768.281)	(30.148.104.358)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	84.981.278.559	10.312.401.352
228	Nguyên giá		102.179.503.617	19.053.507.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.198.225.058)	(8.741.106.188)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.367.018.518	22.565.454.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	13.367.018.518	22.565.454.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	18	383.408.540.098	140.347.514.642
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	348.572.994.312	132.247.514.642
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	46.002.910.277	17.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		40.207.982.807	74.175.330.369
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.484.504.008	3.220.915.857
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	7.895.844.762	-
269	3. Lợi thế thương mại	17	30.827.634.037	70.954.414.512
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.860.398.042.369	1.240.977.883.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		477.098.903.310	334.197.703.328
310	I. Nợ ngắn hạn		408.623.646.511	315.495.843.209
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	98.153.102.705	83.181.799.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	29.155.365.881	6.405.918.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	32.330.181.730	42.048.654.493
314	4. Phải trả người lao động		5.107.804.827	4.685.853.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	27.448.675.197	18.755.981.834
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	45.075.825.259	66.099.828.450
320	7. Vay ngắn hạn	23	171.352.690.912	94.317.807.400
330	II. Nợ dài hạn		68.475.256.799	18.701.860.119
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	87.600.000
338	2. Vay dài hạn	23	39.014.432.856	1.000.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	29.460.823.943	17.614.260.119
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.383.299.139.059	906.780.179.732
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.383.299.139.059	906.780.179.732
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	312.799.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	140.518.254	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	57.414.341.843	30.555.633.680
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.555.633.680	18.294.413.020
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		26.858.708.163	12.261.220.660
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	12.211.638.962	12.551.387.798
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.860.398.042.369	1.240.977.883.060


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	414.366.625.633	317.854.901.716
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	411.666.784.900	314.124.306.314
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(296.480.952.992)	(209.645.620.562)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.185.831.908	104.478.685.752
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	43.586.401.680	47.340.388.199
22	7. Chi phí tài chính	29	(23.482.415.579)	(9.021.747.176)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.505.000.199)	(6.906.877.175)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	18.1	(4.853.955.053)	505.897.455
25	9. Chi phí bán hàng	30	(14.260.496.293)	(20.658.752.305)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(66.900.478.155)	(93.384.172.422)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.274.888.508	29.260.299.503
31	12. Thu nhập khác	31	1.799.158.515	19.096.477.919
32	13. Chi phí khác	31	(22.149.929.089)	(19.441.769.061)
40	14. Lỗ khác	31	(20.350.770.574)	(345.291.142)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.924.117.934	28.915.008.361
51	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	33.1	1.545.560.455	(6.456.274.449)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.1	(3.950.719.062)	2.432.126.402
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.518.959.327	24.890.860.314

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		26.858.708.163	10.903.987.113
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	(339.748.836)	13.986.873.201
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	565	349
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	565	349


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.924.117.934	28.915.008.361
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	14, 15, 17	12.939.753.078	11.001.224.837
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(18.008.135.174)	31.178.258.773
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	28.453.361
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.299.492.204)	(53.646.900.130)
06	Chi phí lãi vay	29	21.505.000.199	6.906.877.175
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.061.243.833	24.382.922.377
09	Tăng các khoản phải thu		(228.497.578.408)	(152.533.901.863)
10	Giảm hàng tồn kho		11.742.694.895	41.310.624.943
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		59.812.819.534	(48.903.797.346)
12	Tăng chi phí trả trước		(20.742.237.026)	(6.095.619.097)
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.496.776.942)	(12.387.461.394)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(11.349.753.635)	(11.091.647.373)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(192.469.587.749)	(165.318.879.753)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(85.145.283.539)	(262.090.909)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.818.413.608	9.922.527.548
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(146.568.497.700)	(201.466.970.449)
24	Tiền thu hồi cho vay		119.157.887.885	63.856.855.073
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(343.361.250.000)	(62.822.640.694)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.231.370.000	438.675.501.792
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		19.722.595.407	45.206.894.794
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(397.144.764.339)	293.110.077.155

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	450.000.000.000	-
33	Tiền vay nhận được	23	564.918.510.949	132.137.409.754
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(443.315.833.368)	(237.776.819.166)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		571.602.677.581	(105.639.409.412)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(18.011.674.507)	22.151.787.990
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.473.013.864	4.321.225.874
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	8.461.339.357	26.473.013.864


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 193 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	GCNĐKKD số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKKD số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	GCNĐKKD số 0102768915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	GCNĐKKD số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00%	67,00%	67,00%	67,00%
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKKD số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	GCNĐKKD số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	GCNĐKKD số 0106000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
8	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKKD số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	GCNĐKKD số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
10	Công ty TNHH 1 Production (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKKD số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	GCNĐKKD số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
12	Công ty TNHH Yeah1 Up (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKKD số 0317420589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
13	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKKD số 03178000358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	-	-
14	Công ty TNHH 1 Talent (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKKD số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	-	-
15	Công ty TNHH Adlink Network (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKKD số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	-	-
16	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKKD số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mãn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
17	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	GCNĐKKD số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods	GCNĐKKD số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm cho thuê và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp, bán hàng hóa và thành phẩm, cung cấp dịch vụ tư vấn và xây dựng, đầu tư tài chính vào các lĩnh vực khác.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập các công ty con

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1Pro với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

4.2 Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ/HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction (“STVPro”) và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (“STV”) (tiếp theo)

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.4 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (“Edigital”)

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Minh Hằng, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Nhóm Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital (Thuyết minh số 8) thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (“Netlink Việt Nam”)

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	150.752.205
Tiền gửi ngân hàng	4.261.339.357	22.222.261.659
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	4.100.000.000
TỔNG CỘNG	8.461.339.357	26.473.013.864

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	121.340.076.164	126.453.561.248
<i>Công ty Cổ phần Ban Media</i>	26.327.695.034	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng (*)</i>	13.939.220.078	13.939.220.078
<i>Công ty TNHH Truyền Thông WPP</i>	7.395.539.564	4.963.372.340
<i>Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam</i>	7.382.202.120	-
<i>Khác</i>	66.295.419.368	107.550.968.830
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 34</i>)	118.218.227.750	35.197.206.145
TỔNG CỘNG	239.558.303.914	161.650.767.393
Dự phòng phải thu ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 11</i>)	(23.559.491.239)	(24.375.838.748)
GIÁ TRỊ THUẬN	215.998.812.675	137.274.928.645

(*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.375.838.748	5.007.898.648
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.048.880.750	19.367.940.100
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.865.228.259)	-
Số cuối năm	23.559.491.239	24.375.838.748

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	80.932.913.203	81.980.392.464
<i>Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (*)</i>	48.126.704.193	48.126.704.193
<i>Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh (**)</i>	14.500.000.000	-
<i>Something Big SAS</i>	8.160.450.000	8.160.450.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến (Note 4.4)</i>	-	16.755.470.000
<i>Khác</i>	10.145.759.010	8.937.768.271
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 34</i>)	24.750.000	24.750.000
TỔNG CỘNG	80.957.663.203	82.005.142.464
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 11</i>)	(18.600.883.301)	(16.246.796.596)
GIÁ TRỊ THUẬN	62.356.779.902	65.758.345.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.246.796.596	4.793.815.527
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.354.086.705	11.452.981.069
Số cuối năm (Thuyết minh số 11)	<u>18.600.883.301</u>	<u>16.246.796.596</u>

(*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

(**) Theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 với Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	266.334.265.625	164.433.231.206
Cho các bên khác vay	201.616.431.925	126.222.398.763
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	64.717.833.700	38.210.832.443
Dài hạn	44.329.575.396	119.000.000.000
Cho bên khác vay	39.429.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	4.900.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>310.663.841.021</u>	<u>283.433.231.206</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Phan Thái Huy	23.000.000.000	Ngày 14 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 - 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 11	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 10,5	Tín chấp
Công Ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>201.616.431.925</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 34)				
Công ty TNHH Tera Group	35.736.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	14.859.000.000	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 9 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	14.122.833.700	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2024	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>64.717.833.700</u>			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Đình Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 2 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>39.429.575.396</u>			
Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 34)				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.450.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2025	10 – 10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>4.900.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	340.356.202.385	209.178.378.379
Tạm ứng nhân viên	230.004.766.104	43.146.609.969
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	48.078.801.570	73.437.407.535
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (i)</i>	19.600.000.000	19.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)</i>	9.993.750.000	-
<i>Travellet Tech Limited (iii)</i>	8.120.000.000	8.120.000.000
<i>Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)</i>	4.380.844.035	-
<i>Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures (v)</i>	3.600.000.000	3.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần MBC Studio (vi)</i>	1.253.462.535	1.253.462.535
<i>Công ty Cổ phần Mnet (vi)</i>	1.130.745.000	1.130.745.000
<i>Công ty TNHH Media Investment Hub</i>	-	39.733.200.000
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần (vii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	19.750.861.017	5.908.536.440
Phải thu cổ tức (viii)	7.213.579.158	9.565.680.000
Đặt cọc	1.701.978.525	1.666.978.525
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	37.231.370.000
Khác	3.606.216.011	8.221.795.910
Dài hạn	345.139.910.099	249.503.496.695
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)	199.875.000.000	100.565.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TTK (ix)	138.658.000.000	147.318.000.000
Đặt cọc	6.606.910.099	1.620.496.695
TỔNG CỘNG	685.496.112.484	458.681.875.074
Dự phòng phải thu khác khó đòi (Thuyết minh số 11)	(39.650.639.012)	(35.347.951.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	645.845.473.472	423.333.923.088
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	677.295.670.877	451.600.263.063
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	8.200.441.607	7.081.612.011

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.347.951.986	25.481.601.797
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.302.687.026	9.866.350.189
Số cuối năm	39.650.639.012	35.347.951.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (i) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

- (ii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

- (iii) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

- (iv) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chi đẹp đập gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab"). Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVCab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTVCab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.

- (v) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số BM-HĐĐT/03/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 với Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures về việc hợp tác sản xuất dự án truyền hình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

- (vi) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 021/2017/HĐGV/YES/E18/GV ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Mnet (trước đây là Công ty Cổ phần Góp Vốn) và Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 2018-002/HĐGV/ZOMBIE/MBCS-YEAH1 ngày 21 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần MBC Studio về việc hợp tác sản xuất các dự án làm phim. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023, Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.
- (viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.
- (ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TTK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 1 ngày 20 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TTK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 47.318.000.000 VND trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Giải trí TTK đã hoàn trả một phần vốn góp của hợp đồng với số tiền là 8.660.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi		
	VND	VND	VND	VND		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.648.137.945	12.088.646.706	23.559.491.239	33.507.104.056	9.131.265.308	(24.375.838.748)
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.024	(9.757.454.054)	13.939.220.078	6.969.610.039	(6.969.610.039)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	333.865.837	(779.020.286)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)	-	-	-
Khác	8.572.413.579	6.163.831.682	(2.408.581.897)	8.921.449.690	1.827.789.432	(7.093.660.258)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	60.116.049.372	41.515.166.071	(18.600.883.301)	57.783.420.177	41.536.623.581	(16.246.796.596)
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)	-	-	-
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	2.760.903.421	656.745.482	(2.104.157.939)	1.496.265.984	678.202.992	(818.062.992)
Phải thu ngắn hạn khác	50.640.836.504	10.990.197.492	(39.650.639.012)	35.944.107.385	596.155.399	(35.347.951.986)
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Đông Sài Gòn	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)
Công ty Cổ phần MBC Studio	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)
Công ty Cổ phần Mnet	16.936.628.969	10.990.197.492	(5.946.431.477)	2.239.899.850	596.155.399	(1.643.744.451)
Khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	146.405.023.821	64.594.010.269	(81.811.013.552)	127.234.631.618	51.264.044.288	(75.970.587.330)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	35.698.707.333	36.264.806.517
Chương trình đang sản xuất	20.000.953.739	3.116.955.304
Dự án đang phát triển dở dang	8.024.666.307	12.060.255.377
Bản quyền chương trình	-	24.025.005.076
TỔNG CỘNG	63.724.327.379	75.467.022.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
GIÁ TRỊ THUẦN	29.168.608.393	15.511.002.401

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.956.019.873	65.378.425.191
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	108.525.811	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(25.508.826.698)	(5.422.405.318)
Số cuối năm	34.555.718.986	59.956.019.873

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	50.416.954.766	27.938.305.891
Chương trình	48.828.389.284	26.090.326.974
Khác	1.588.565.482	1.847.978.917
Dài hạn	1.484.504.008	3.220.915.857
Chi phí cải tạo văn phòng	411.547.424	1.383.873.724
Công cụ, dụng cụ	669.341.309	563.172.702
Khác	403.615.275	1.273.869.431
TỔNG CỘNG	51.901.458.774	31.159.221.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vấn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	1.837.328.710	16.468.023.064	12.966.951.364	790.845.452	32.063.148.590
Mua mới	-	-	475.577.865	-	475.577.865
Thanh lý	-	(36.363.637)	(8.335.513.909)	(7.196.909)	(8.379.074.455)
Xóa sổ	(113.445.500)	(7.037.054.144)	(2.570.346.546)	-	(9.720.846.190)
Số cuối năm	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.723.883.210	1.119.184.831	830.339.604	456.861.841	4.130.269.486
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(1.837.328.710)	(15.705.695.825)	(12.007.331.474)	(597.748.349)	(30.148.104.358)
Khấu hao trong năm	-	(467.002.522)	(316.003.979)	(72.847.232)	(855.853.733)
Thanh lý	-	36.363.637	8.131.877.574	7.196.909	8.175.438.120
Xóa sổ	113.445.500	7.029.959.644	2.570.346.546	-	9.713.751.690
Số cuối năm	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	762.327.239	959.619.890	193.097.103	1.915.044.232
Số cuối năm	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phim ngắn (*)	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu, tên thương mại	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	15.867.542.910	3.185.964.630	19.053.507.540
Mua mới	82.828.580.077	297.416.000	-	83.125.996.077
Số cuối năm	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(7.692.816.029)	(1.048.290.159)	(8.741.106.188)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(1.907.980.582)	(192.393.372)	(8.457.118.870)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	8.174.726.881	2.137.674.471	10.312.401.352
Số cuối năm	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	22.565.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.821.563.973	-
TỔNG CỘNG	13.367.018.518	22.565.454.545

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND	
	<i>Lợi thế thương mại khoản đầu tư vào STV</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		74.716.838.797
Giảm trong năm (*)		<u>(36.500.000.000)</u>
Số cuối năm		<u>38.216.838.797</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		(3.762.424.285)
Phân bổ trong năm		<u>(3.626.780.475)</u>
Số cuối năm		<u>(7.389.204.760)</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>70.954.414.512</u>
Số cuối năm		<u>30.827.634.037</u>

(*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.0000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 1 tháng 12 năm 2023.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 18.1)	348.572.994.312	132.247.514.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 18.2)	46.002.910.277	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	394.575.904.589	149.963.139.642
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	383.408.540.098	140.347.514.642

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	39,5	35	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35	35	-	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	13,40	20,00	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	17,96	35,21	17,96	35,21
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	49,99	49,99	49,99
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	29,99	30,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	-	-	34,99	35,00

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Giá trị đầu tư vào		Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết		Khác		Giá trị còn lại	
	Số đầu năm	Tăng giá trị đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Giảm do phân loại lại (*)	Số đầu năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	145.511.720.000	145.511.720.000	-	(2.649.926.936)	-	-	142.861.793.064
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	103.005.000.000	103.005.000.000	-	(656.029.706)	-	-	102.348.970.294
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000	(3.034.831.656)	11.701.536	-	89.342.068.344	89.353.769.880
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.791.916.046	(407.946.055)	-	14.291.916.046	13.883.969.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	1.200.000.000	-	1.200.000.000	(48.246.108)	(1.151.753.892)	-	1.151.753.892	-
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	-	158.155.805	(33.664.722)	-	-	124.491.083	124.491.083
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	22.500.000.000	-	22.500.000.000	(1.246.265.794)	-	(21.253.734.206)	21.253.734.206	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	8.500.000.000	-	8.500.000.000	(2.416.448.929)	-	(6.083.551.071)	6.083.551.071	-
TỔNG CỘNG	137.235.055.805	248.516.720.000	385.751.775.805	(4.987.541.163)	(4.853.955.053)	(27.337.285.277)	132.247.514.642	348.572.994.312

(*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần tại Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ ("100 Độ") và 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife ("Kolorlife") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND, theo Biên bản ghi nhớ số 2011/2023/CARE/BGN cùng ngày và phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHQĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Độ và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số đầu năm			Số cuối năm		
		Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	-	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	950.000.000	-	19,00	-	-	-
TỔNG CỘNG		46.002.910.277	(11.167.364.491)		17.715.625.000	(9.615.625.000)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	89.696.946.327	73.292.702.317
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	36.237.031.394	33.899.563.425
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Khác	36.943.930.854	22.877.154.813
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	8.456.156.378	9.889.097.518
TỔNG CỘNG	98.153.102.705	83.181.799.835

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	4.401.307.337	6.268.824.622
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	1.246.622.223	3.112.902.549
Khác	3.154.685.114	3.155.922.073
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	24.754.058.544	137.093.401
TỔNG CỘNG	29.155.365.881	6.405.918.023

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.392.798.468	2.384.193.220	(11.349.753.635)	14.427.238.053
Thuế thu nhập cá nhân (*)	3.335.524.048	9.745.155.836	(7.959.273.886)	5.121.405.998
Thuế giá trị gia tăng (*)	5.457.852.714	37.830.633.106	(39.451.241.234)	3.837.244.586
Thuế nhà thầu	4.107.670.578	107.302.761	(1.147.412.536)	3.067.560.803
Khác	5.754.808.685	2.189.612.468	(2.067.688.863)	5.876.732.290
TỔNG CỘNG	42.048.654.493	52.256.897.391	(61.975.370.154)	32.330.181.730
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.733.669.810	21.327.794.398	(19.106.713.720)	13.954.750.488
Khác	155.717.147	90.971.748	(234.064.111)	12.624.784
TỔNG CỘNG	11.889.386.957	21.418.766.146	(19.340.777.831)	13.967.375.272

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 15.075.022.780 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	10.379.620.700	9.007.306.187
Chi phí lãi vay	5.373.836.077	4.877.556.101
Chi phí lãi chậm nộp thuế	5.298.545.646	-
Lương tháng 13	2.030.064.776	1.120.560.000
Khác	4.366.607.998	3.750.559.546
TỔNG CỘNG	27.448.675.197	18.755.981.834
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	25.392.634.459	18.169.067.442
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	2.056.040.738	586.914.392

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	31.500.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.175.245.581	1.686.582.806
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Chi phí lãi vay	595.359.039	1.083.415.758
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	7.657.570.639	4.682.179.886
TỔNG CỘNG	45.075.825.259	66.099.828.450
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	42.498.844.217	65.768.310.183
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	2.576.981.042	331.518.267

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đập gió rẽ sóng mùa 1". (Thuyết minh số 10)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại lại	Giảm khác	Số cuối năm
	VND					
Ngắn hạn	94.317.807.400	514.175.702.075	(440.587.457.350)	10.000.000.000	(6.553.361.213)	171.352.690.912
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	9.628.537.096	179.362.108.075	(101.448.687.350)	10.000.000.000	-	97.541.957.821
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 23.2)	66.193.361.213	30.970.824.000	(56.410.000.000)	-	(6.553.361.213)	34.200.824.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 23.3)	12.395.909.091	271.901.250.000	(256.437.250.000)	-	-	27.859.909.091
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	6.100.000.000	31.941.520.000	(26.291.520.000)	-	-	11.750.000.000
Dài hạn	1.000.000.000	50.742.808.874	(2.728.376.018)	(10.000.000.000)	-	39.014.432.856
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	1.000.000.000	742.808.874	(228.376.018)	-	-	1.514.432.856
TỔNG CỘNG	95.317.807.400	564.918.510.949	(443.315.833.368)	-	(6.553.361.213)	210.367.123.768

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	38.046.792.705	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2024 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	8,2	Tin chấp
Khoản vay 2	29.999.324.427	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 12 năm 2024	9,8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	17.734.991.689	Ngày 21 tháng 3 năm 2024	9,5	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM				
Khoản vay 1	1.760.849.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2024	11,5	Tin chấp
TỔNG CỘNG	87.541.957.821			

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	-	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
			-	Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi

Trong đó
Vay dài hạn
Vay dài hạn đến hạn trả

37.500.000.000
10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Nguyễn Thị Khánh Hòa	11.314.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 24 tháng 11 năm 2024	10,5 - 15
Lê Đình Trọng	10.100.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	10,5 - 12
Nguyễn Minh Đức	2.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2024	13
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2024	8
Vũ Thị Tuyết Vân	800.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024	11
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2024	6
TỔNG CỘNG	27.859.909.091		

23.2 Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Vay ngắn hạn các tổ chức khác			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	2.560.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	34.200.824.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	5.300.000.000	Ngày 27 tháng 6 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	<u>11.750.000.000</u>		
<i>Vay dài hạn bên liên quan</i>			
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6
Công Ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	171.623.982	Ngày 16 tháng 1 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	<u>1.514.432.856</u>		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	20.536.615.720	884.209.773.974
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.903.987.113	10.903.987.113
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	1.357.233.547	1.357.233.547
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Năm nay				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược (*)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**)	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.858.708.163	26.858.708.163
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097

(*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(**) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	<u>1.000.741.360.000</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>1.313.541.040.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu đã phát hành	131.353.264	31.279.968
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>31.279.968</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	131.353.264	31.279.968
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>31.279.968</i>

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	<u>26.858.708.163</u>	<u>10.903.987.113</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	26.858.708.163	10.903.987.113
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	<u>47.513.447</u>	<u>31.279.968</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	565	349

(*) Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	12.551.387.798	(6.506.464.721)
(Lỗ) lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(339.748.836)	13.986.873.201
Tăng do chuyển nhượng công ty con	-	4.714.979.554
Tăng do mua công ty con	-	1.713.233.311
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	(1.357.233.547)
Số cuối năm	<u>12.211.638.962</u>	<u>12.551.387.798</u>

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	414.366.625.633	317.854.901.716
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	167.958.869.763	-
Doanh thu quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	112.179.327.639	163.108.070.053
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	93.878.719.534	77.094.221.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	39.141.918.506	70.133.212.252
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	1.207.790.191	7.519.397.791
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
DOANH THU THUẦN	<u>411.666.784.900</u>	<u>314.124.306.314</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	167.958.869.763	-
Doanh thu thuần quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	112.179.327.639	163.108.070.053
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	91.178.878.801	73.363.626.218
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	39.141.918.506	70.133.212.252
Doanh thu thuần về bán lẻ và bán hàng khác	1.207.790.191	7.519.397.791
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	266.551.845.191	301.521.568.382
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	147.814.780.442	16.333.333.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.571.169.984	6.955.431.234
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	40.333.840.583
Khác	27.731.696	51.116.382
TỔNG CỘNG	<u>43.586.401.680</u>	<u>47.340.388.199</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	97.874.743.396	-
Giá vốn quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	95.442.734.555	120.960.912.021
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	88.057.013.072	57.966.749.713
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	37.727.970.359	25.432.070.022
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.778.792.497	10.708.294.124
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
TỔNG CỘNG	<u>296.480.952.992</u>	<u>209.645.620.562</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.505.000.199	6.906.877.175
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.551.739.491	1.757.625.000
Khác	425.675.889	357.245.001
TỔNG CỘNG	<u>23.482.415.579</u>	<u>9.021.747.176</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	14.260.496.293	20.658.752.305
Chi phí nhân viên	9.335.604.697	9.708.031.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.280.314.061	10.843.145.343
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	107.575.886
Chi phí khác	641.097.361	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.900.478.155	93.384.172.422
Chi phí nhân viên	26.841.890.320	28.885.702.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.472.516.094	12.345.318.851
Chi phí dự phòng	5.733.887.576	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại	3.626.780.475	6.434.592.624
Chi phí khấu hao và hao mòn	922.517.364	4.241.173.155
Chi phí khác	4.302.886.326	4.876.721.135
TỔNG CỘNG	81.160.974.448	114.042.924.727

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.799.158.515	19.096.477.919
Thanh lý tài sản cố định	1.614.777.273	5.851.730.858
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	2.943.200.000
Khác	184.381.242	10.301.547.061
Chi phí khác	(22.149.929.089)	(19.441.769.061)
Xóa sổ phần mềm quản lý phân phối DMS	(13.020.000.000)	-
Lãi chậm nộp thuế	(5.298.545.646)	-
Tiền phạt thuế	(3.169.913.731)	(4.512.551.487)
Chi phí từ thiện	-	(12.012.022.397)
Khác	(661.469.712)	(2.917.195.177)
LỖ KHÁC	(20.350.770.574)	(345.291.142)

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.286.636.280	217.036.819.527
Chi phí nhân viên	84.543.090.051	53.763.948.028
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 14 và 15)	9.312.972.603	4.566.632.213
Trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7, 8, 10 và 11)	5.840.426.222	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	3.626.780.475	6.434.592.624
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
Khác	9.432.322.696	10.708.294.124
TỔNG CỘNG	377.641.927.440	323.688.545.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	365,033,626	5.597.012
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	<u>(1.910.594.081)</u>	<u>6.450.677.437</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.545.560.455)	6.456.274.449
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>3.950.719.062</u>	<u>(2.432.126.402)</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.405.158.607</u>	<u>4.024.148.047</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>28.924.117.934</u>	<u>28.915.008.361</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.784.823.587	5.783.001.672
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	6.923.968.829	10.077.634.415
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.603.198.495	5.257.292.702
Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết	970.791.011	(101.179.491)
Phân bổ lợi thế thương mại	725.356.095	1.286.918.525
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.910.594.081)	6.450.677.437
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(4.459.937.207)	-
Lợi nhuận từ thanh lý các công ty con	-	(8.066.768.117)
Lỗi thuế từ năm trước chuyển sang	<u>(12.232.448.122)</u>	<u>(16.663.429.096)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>2.405.158.607</u>	<u>4.024.148.047</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(7.895.844.762)	-	(7.895.844.762)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.460.823.943	17.614.260.119	11.846.563.824	(2.432.126.402)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			3.950.719.062	(2.432.126.402)

33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗi lũy kế là 829.024.430.168 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 890.186.670.778 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế	VND	
			<i>Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
2019	2024	18.321.554.642	(18.321.554.642)	-
2020	2025	453.621.189.557	(35.959.820.469)	417.661.369.088
2020	2025	2.250.136.597	-	2.250.136.597
2021	2026	363.538.343.389	-	363.538.343.389
2022	2027	32.110.741.265	(6.880.865.499)	25.229.875.766
2023	2028	20.344.705.328	-	20.344.705.328
TỔNG CỘNG		890.186.670.778	(61.162.240.610)	829.024.430.168

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗi tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty TNHH Phúc hợp Truyền thông T.H	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua bản quyền	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	27.421.435.836	59.677.764.164
	Cung cấp dịch vụ	21.811.053.569	8.000.000.001
	Cho vay	17.600.000.000	98.434.533.333
	Vay	15.550.000.000	13.600.000.000
	Trả gốc vay	13,528,376,018	11.600.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Mua dịch vụ	4.513.238.687	3.513.346.122
	Thu hồi lãi cho vay	659.641.225	15.593.965.239
	Lãi cho vay	555.237.062	911.548.165
	Trả lãi vay	172.001.306	-
	Lãi vay	108.966.573	289.486.757
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ		6.668.231.073	-
Trả gốc vay		8.200.000.000	-
Cho vay		2.328.800.000	-
Thu hồi cho vay		2.328.800.000	-
Lãi vay		251.967.124	-
Lãi cho vay		46.603.398	-
Thu hồi lãi cho vay		46.603.398	-
Trả lãi vay		20.967.123	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Cung cấp dịch vụ	5.869.523.810	-
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	90.427.097.143	-
	Cho vay	36.750.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	5.618.632.220	-
	Mua dịch vụ	5.601.851.852	-
	Lãi cho vay	1.469.830.275	-
	Thu hồi cho vay	1.014.000.000	-
	Góp vốn	950.000.000	-
Công ty TNHH Big Cat	Mua bản quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Bán bản quyền	1.857.142.857	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
Lãi cho vay	1.610.959	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	23.129.873.700	-
	Thu hồi cho vay	9.007.040.000	-
	Cung cấp dịch vụ	2.404.207.928	8.333.333.333
	Lãi cho vay	680.481.034	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-
	Lãi cho vay	651.555.494	-
	Cung cấp dịch vụ	-	7.370.161.019
	Mua dịch vụ	-	543.931.817
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
	Lãi cho vay	38.901.230	-
	Thu hồi lãi cho vay	5.490.411	-
	Góp vốn	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-
	Trả gốc vay	300.000.000	-
	Cho vay	110.000.000	-
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-
	Lãi vay	7.364.383	-
	Lãi cho vay	1.338.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000	-
	Chi phí lãi vay	172.603	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	160.000.000	-
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	59.999.998	-
	Thu hồi lãi cho vay	11.955.159	-
Ông Đào Phúc Trí	Góp vốn	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-
	Tạm ứng	358.612.451	-
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-
	Tạm ứng	37.000.000	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	87.902.530.164	-	
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	11.770.573.444	9.000.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	8.080.206.311	7.959.773.900	
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.154.383.491	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	999.999.958	999.999.958	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	523.907.131	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	547.505.377	6.480.000.000	
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	387.340.150	-	
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	2.421.533.432	
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	-	1.080.000.000	
		118.218.227.750	35.197.206.145	
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	24.750.000	24.750.000	
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	35.736.000.000	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-	
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	14.122.833.700	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	-	24.939.396.607	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836	
		64.717.833.700	38.210.832.443	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.327.908.126	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	1.384.252.111	-
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	554.536.312	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	531.123.083	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	213.178.763	317.582.927
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800
		8.200.441.607	7.081.612.011
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
		4.900.000.000	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	2.270.759.876	4.014.307.984
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	222.411.825	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	84.450.744	25.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	28.744.399	-
		8.456.156.378	9.889.097.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-	
	Cung cấp dịch vụ	137.093.401	137.093.401	
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-	
		24.754.058.544	137.093.401	
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	42.162.411	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	277.000.000	
	Lãi vay	240.657.534	80.657.534	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	119.894.318	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	191.788.886	127.094.447	
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	60.000.000	60.000.000	
		2.056.040.738	586.914.392	
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	-	
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	207.573.065	207.573.065	
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	183.945.200	123.945.202	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	148.150.685	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	16.241.979	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-	
		2.576.981.042	331.518.267	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	4.100.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	5.300.000.000	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-	
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Vay	-	2.000.000.000	
		11.750.000.000	6.100.000.000	
Vay dài hạn				
Công ty TNHH Nội dung số	Vay	342.808.874	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	171.623.982	-	
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	1.000.000.000	1.000.000.000	
		1.514.432.856	1.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	VND	
			Năm nay	Năm trước
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-	
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000	
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200	
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922	
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022)	-	350.000.000	
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-	
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)			
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-	
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-	
TỔNG CỘNG		6.488.745.250	7.942.120.022	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

35.1 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
TỔNG CỘNG	<u>186.122.728.000</u>	<u>44.311.356.147</u>

35.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Số cuối năm và số đầu năm		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH Adlink Network (*)	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH 1 Talent (*)	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
TỔNG CỘNG	<u>39.630.060.000</u>	<u>10.720.000.000</u>	<u>28.910.060.000</u>

(*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện, quảng cáo trên kênh truyền hình, cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông và bán lẻ.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tăng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	Bán lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	65.808.304.312	112.179.327.639	232.524.429.540	1.154.723.409	-	411.666.784.900
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	99.255.262.853	-	(99.255.262.853)	-
Tổng doanh thu thuần	65.808.304.312	112.179.327.639	331.779.692.393	1.154.723.409	(99.255.262.853)	411.666.784.900
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(87.678.306.264)	42.136.893.971	201.886.361.224	(1.632.423.669)	(39.526.693.354)	115.185.831.908
Chi phí không phân bổ						(81.160.974.448)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						(4.853.955.053)
Doanh thu tài chính						43.586.401.680
Chi phí tài chính						(23.482.415.579)
Lợi nhuận khác						(20.350.770.574)
Lợi nhuận trước thuế						28.924.117.934
Chi phí thuế TNDN						1.545.560.455
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(3.950.719.062)
Lợi nhuận sau thuế						26.518.959.327
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Tài sản và công nợ						1.505.779.601.070
Tài sản bộ phận	239.921.365.090	94.910.625.581	1.118.636.288.508	421.062.663.621	(368.751.341.730)	354.618.441.299
Tài sản không phân bổ						1.860.398.042.369
Tổng tài sản						410.200.092.810
Công nợ bộ phận	203.530.940.123	271.619.801.315	336.354.653.828	52.133.832.137	(453.439.134.593)	66.898.810.500
Công nợ không phân bổ						477.098.903.310
Tổng công nợ						477.098.903.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung dịch vụ và thương mại truyền thông	Bán lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	73.363.626.218	163.108.070.053	70.133.212.252	7.519.397.791	-	314.124.306.314
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	298.309.091	6.816.944	18.270.921.985	13.911.187.839	(32.487.235.859)	-
Tổng doanh thu thuần	73.661.935.309	163.114.886.997	88.404.134.237	21.430.585.630	(32.487.235.859)	314.124.306.314
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.396.876.505	42.147.158.032	54.256.230.831	3.735.030.354	(11.056.609.970)	104.478.685.752
Chi phí không phân bổ						(114.042.924.727)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						505.897.455
Doanh thu tài chính						47.340.388.199
Chi phí tài chính						(9.021.747.176)
Lợi nhuận khác						(345.291.142)
Lợi nhuận trước thuế						28.915.008.361
Chi phí thuế TNDN						(6.456.274.449)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						2.432.126.402
Lợi nhuận sau thuế						24.890.860.314
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	102.577.141.405	204.397.542.988	1.312.558.513.247	508.814.231.471	(1.098.671.475.205)	1.029.675.953.906
Tài sản không phân bổ						211.301.929.154
Tổng tài sản						1.240.977.883.060
Công nợ bộ phận	71.569.577.112	281.883.197.165	149.721.516.997	35.776.189.332	(222.367.037.397)	316.583.443.209
Công nợ không phân bổ						17.614.260.119
Tổng công nợ						334.197.703.328

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 4.3, 24.1 và 35.2* không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

 _____ Lưu Anh Khoa Người lập	 _____ Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	 _____ Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc
---	--	--

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

